

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ TÔN GIÁO TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

TS NGUYỄN THỊ NHƯ

Trường Đại học Hà Nội

Tóm tắt: Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam ở giai đoạn 1945-1954 có đóng góp quan trọng từ phương diện Đảng lãnh đạo công tác tôn giáo, tạo sức mạnh đoàn kết chiến thắng kẻ thù. Chủ trương đúng đắn về đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương - giáo, cùng sự nhất quán trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đã giúp cho đồng bào có đạo giữ vững niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, thực hiện lương-giáo đoàn kết; tham gia tích cực vào phong trào kháng chiến, kiến quốc.

Từ khóa: Quan điểm của Đảng; tôn giáo, đoàn kết lương giáo; kháng chiến chống thực dân Pháp

1 Việt Nam là quốc gia đa dân tộc (tộc người), đa tôn giáo. Mỗi một tôn giáo có đặc điểm riêng, phạm vi ảnh hưởng và tác động chính trị-xã hội của các tôn giáo không giống nhau, nhưng trong mọi hoàn cảnh, đồng bào các tôn giáo, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết.

Từ khi Đảng ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đoàn kết dân tộc-tôn giáo nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc là việc cốt yếu của Đảng trong những năm 1930-1945. Ngày 18-11-1930, trong Chỉ thị Thường vụ Trung ương Đảng về thành lập Hội Phản đế đồng minh nêu rõ chủ trương của Đảng trong tổ chức, vận động quần chúng nhân dân: “Bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng, đập tan luận điệu phản tuyên truyền cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo”¹. Đảng quan tâm đến lợi ích chính đáng của đồng bào tôn giáo, nhất quán trong vấn đề đảm bảo

quyền bình đẳng cho đồng bào có đạo cũng như đồng bào không có đạo. Nhờ những quan điểm đúng đắn của Đảng về tôn giáo, sự tận tâm, khéo léo của đội ngũ cán bộ, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, đoàn thể, Mặt trận trong thực hiện chính sách đoàn kết tôn giáo mà khối đoàn kết dân tộc được xây dựng, phát huy cao độ trong cuộc khởi nghĩa dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra cho dân tộc ta một kỷ nguyên mới-kỷ nguyên độc lập, tự do và đi lên CNXH. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa được thành lập đã phải đương đầu với tình thế hiểm nghèo, tài chính kiệt quệ, nạn đói hoành hành, giặc ngoại xâm trên khắp Tổ quốc. Tình thế cách mạng đòi hỏi Đảng có chủ trương đúng đắn, có quyết sách xây dựng và bảo vệ chính quyền non trẻ, phải tập trung lực lượng toàn dân, phân hóa kẻ thù, chia mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù trực

tiếp, nguy hiểm nhất, để giữ vững nền độc lập, tự do vừa giành được. Trong nhiều khó khăn, Việt Nam có một đặc điểm là lợi thế, đó là mọi chủ trương của Đảng đã được tổ chức thực hiện thông qua Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, tổ chức chính trị-xã hội trên danh nghĩa một quốc gia độc lập, có chủ quyền-điều mà trước năm 1945 Việt Nam không có.

Vì vậy, một ngày sau khi đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 3-9-1945, tại Bắc Bộ phủ, sau khi phân tích tình hình thuận lợi và khó khăn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nhận định, nêu ra nhiệm vụ *cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Trong sáu nội dung cấp bách, có hai nội dung trực tiếp bàn về tôn giáo và đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc: “*Vấn đề thứ ba*: Tất cả các công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tín ngưỡng, giòng giống”; “*Vấn đề thứ sáu*: Thực dân phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ bề thống trị; tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: *Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết*”².

Thay mặt Chính phủ lâm thời, đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ký Sắc lệnh số 35, ngày 20-9-1945, về việc tôn trọng và không được xâm phạm chùa, lăng tẩm của tôn giáo. Ngày 18-12-1945, Chính phủ ký Sắc lệnh số 22, ấn định những ngày Tết, ngày kỷ niệm lịch sử và tôn giáo. Từ đó, các tôn giáo có ngày chính thức tổ chức lễ kỷ niệm chung cho sinh hoạt cộng đồng, ghi dấu ấn vào trang lịch sử của đồng bào có tôn giáo. Đồng bào có đạo càng vui mừng phấn khởi, tin tưởng Đảng, Nhà nước, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ chế độ mới. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được đưa vào Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong phần Lời nói đầu và Điều 10 Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định: “quyền tự do tín ngưỡng là một trong các quyền cơ bản của công dân”³.

Như vậy, tôn giáo và đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc nhằm thực hiện thành công sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến kiến quốc, vì độc lập dân tộc và CNXH, đã được Đảng và Chính phủ quan tâm ngay từ những ngày đầu giành chính quyền. Sự quan tâm này không chỉ thông qua lời nói, khẩu hiệu, mà khẳng định bằng cách văn bản quy phạm pháp luật thông qua Sắc lệnh và trong Hiến pháp. Với tinh thần đoàn kết lương-giáo, hòa hợp dân tộc, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập hợp được đông đảo chức sắc, tín đồ các tôn giáo hết lòng phấn đấu vì sự nghiệp cứu nước, kiến quốc, từ đó xóa dần những định kiến, nghi ngờ do lịch sử, quá khứ còn để lại và âm mưu của các thế lực thù địch, của thực dân Pháp nhằm chia rẽ tôn giáo, chia rẽ đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Chủ trương của Đảng không chỉ vận động đồng bào tôn giáo và chức sắc tôn giáo tham gia vào xây dựng chế độ mới mà còn tổng động viên lực lượng hùng hậu toàn dân vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chủ trương của Đảng là đúng đắn, sáng suốt hợp lòng dân, dựa trên cơ sở lợi ích dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động, có sự tham gia đông đảo của đồng bào có tôn giáo.

“Nhiệm vụ cấp bách của chính quyền cách mạng”, ngày 3-9-1945; Sắc lệnh số 35/1945 ngay trong tháng 9-1945; Hiến pháp năm 1946 là những văn kiện tiêu biểu trong chặng đường đầu xây dựng luật pháp về tôn giáo. Đó cũng là những bước thể chế hóa chủ trương của Đảng về tôn giáo, đặt cơ sở cho xây dựng, phát triển của các tôn giáo, hoạt động tôn giáo trong thời kỳ cách mạng tiếp theo.

Sự quan tâm tới tôn giáo không ngừng được thực hiện qua các thời kỳ lịch sử. Tháng 12-1946, sau nhiều nỗ lực để duy trì hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, khẳng định một thực tế rằng: “Chúng ta muốn hòa bình chúng ta phải nhân nhượng”, “nhưng càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa”⁴. Người kêu gọi đồng bào cả nước: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”⁵. Lời kêu gọi này bao hàm nhiều nội dung, trong đó thông điệp đoàn kết, gắn kết, không phân biệt thành phần dân tộc, tôn giáo, đảng phái để cứu Tổ quốc, chính là mục tiêu lớn nhất. Điểm cốt lõi nhất, tư tưởng quan trọng của lời kêu gọi vừa thể hiện tính nhân văn, quyền công dân, trách nhiệm Tổ quốc nhưng cũng đồng thời khẳng định biên độ tập hợp tối đa trong công tác dân vận, tập hợp quần chúng và lãnh đạo đất nước. Tầm nhìn xa trông rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được tiếp thu, phát triển trong các văn kiện của Đảng sau này. Tiếp nối quan điểm ban đầu, trong lời kết thúc buổi ra mắt ngày 3-3-1951, Đảng Lao động Việt Nam tuyên bố: “... vấn đề tôn giáo, thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người”⁶.

2 Tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng, từ năm 1949 đến năm 1954, Chính phủ đã ban hành các sắc lệnh, nghị định liên quan đến quyền tự do tôn giáo gắn với lợi ích dân tộc. Trong nhiều văn bản, vấn đề tôn giáo được tổ chức thực hiện trong tổng thể các vấn đề kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng... Chính phủ ban hành Sắc lệnh năm 1949 về *thuế đất và hoa màu cho các tôn giáo*; Nghị định số 315/TTg, ngày

4-10-1953, về chính sách đối với tôn giáo. Đặc biệt là Sắc lệnh số 234/SL, ngày 14-6-1955, của Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành. Đây là một trong những sắc lệnh tiên bộ nhất về vấn đề tôn giáo, sau này, những giá trị cốt lõi được tiếp tục khẳng định trong Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp sửa đổi, bổ sung năm 2013. Cụ thể: Điều 1 Sắc lệnh 234 khẳng định: “Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng, quyền theo hoặc không theo bất cứ tôn giáo nào”; Điều 15 thừa nhận: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa coi việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân và luôn tôn trọng và giúp đỡ nhân dân thực hiện nó”⁷.

Đối với kẻ... phản quốc: Nghị quyết Đại hội II (2-1951) của Đảng khẳng định: “Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời nghiêm trị những kẻ lợi dụng tôn giáo mà phản quốc”⁸; Sắc lệnh số 133/SL, ngày 20-1-1953, về việc trừng trị các loại việt gian, phản động và xét xử những âm mưu hành động phản quốc⁹.

Chủ trương của Đảng thông qua thể chế hóa về mặt nhà nước với việc ban hành các sắc lệnh, chi thị,... có liên quan đến tôn giáo đã định hướng cho đồng bào giáo dân đi theo chủ trương, chính sách, pháp luật đúng đắn của Nhà nước trong kháng chiến, khuyến khích người có công, nghiêm trị kẻ phản bội Tổ quốc. Trên thực tế, đồng bào có đạo, các tăng ni, phật tử, tín đồ các tôn giáo Việt Nam đã tích cực, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết kháng chiến, kiến quốc.

Đồng bào công giáo có những đóng góp tích cực về sức người, sức của trong kháng chiến. Nhiều nhà thờ Công giáo trở thành những nơi nuôi giấu cán bộ, bộ đội; không ít chức sắc và bà con giáo dân quên mình hy sinh cho sự sống còn của dân tộc. Hoạt động tín đồ và đồng bào Công giáo đa dạng, phong phú gắn với tên tuổi tiêu biểu.

Luật sư Thái Văn Lung lãnh đạo Đoàn Thanh niên Tiền phong tiến tới thành lập Đoàn Công giáo cứu quốc ở Nam Bộ. Hưởng ứng Lời kêu gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh trong “Tuần lễ vàng”, ngày 6-1-1946, cụ giám mục Hồ Ngọc Cẩn đã hiến dây chuyền vàng cho Chính phủ để giúp cách mạng. Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, các vị linh mục Hồ Thành Biên, Trần Quang Nghiêm và nhiều vị linh mục khác đã lên chiến khu trực tiếp tham gia kháng chiến. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các tổ chức đại diện cho phong trào yêu nước của người Công giáo được lập ra: Nam Bộ có Hội Công giáo kháng chiến Nam Bộ; ở Bắc Bộ có Ủy ban Liên lạc Công giáo khu Ba, Ủy ban Liên lạc Công giáo khu Tả Ngạn. Đảng, Nhà nước đã ghi nhận công lao to lớn của đồng bào Công giáo đóng góp vào sự nghiệp chung của dân tộc.

Phật giáo Việt Nam đã thành lập các tổ chức “Tăng già cứu quốc”, “Đoàn Phật giáo cứu quốc”, “Bộ đội Tăng già”, “Hội Phật giáo cứu quốc” các cấp đề quy tụ, vận động và tổ chức cho tăng ni, phật tử tham gia cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Tại Bắc Bộ và Nam Bộ đều có hoạt động của tăng ni, phật tử động viên tinh thần chiến đấu, quyên tiền ủng hộ đoàn quân Nam tiến, ủng hộ Quỹ Kháng chiến Nam Bộ. Nhiều ngôi chùa đã trở thành cơ sở cách mạng, dự trữ quân lương, nuôi giấu cán bộ. Phong trào lan rộng khắp các tỉnh thành Hà Nội, Ninh Bình, Hà Đông... Chùa Bích Động là nơi đặt công binh xưởng chế tạo vũ khí đánh giặc. Chùa Diêu ở tỉnh Hưng Yên đào một hầm bí mật lớn có thể chứa hàng chục

người. Năm 1953, bộ đội từ ngôi chùa này bắt ngờ xuất kích, bắn cháy hai xe vận tải quân sự, bắt sống quan hai Pháp Gromba và một trung đội của địch¹⁰. Tiêu biểu là sự kiện 11 nhà sư đã phát nguyện “cời áo cà sa ra trận, khoác chiến bào” tại chùa Cồ Lễ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 27-2-1950, đã trở thành những chiến sĩ vệ quốc đoàn kiên trung. 15 sư tăng thuộc tổ chức bộ đội tăng già huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) tình nguyện nhập ngũ lên đường bảo vệ Tổ quốc,... Nhiều nhà sư đã hy sinh vì nền độc lập của dân tộc.

Đoàn kết lương giáo là một chủ trương của Đảng các giai đoạn cách mạng nói chung, trong cuộc kháng chiến chống thực dân pháp nói riêng. Với phương châm “Tin ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện thắng lợi việc đoàn kết các tôn giáo một cách toàn diện và sáng tạo trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bên cạnh nhiệm vụ tham gia kháng chiến để bảo vệ Tổ quốc, Phật giáo Việt Nam còn phát động phong trào chấn hưng Phật giáo: làm việc thiện, không sa đà vào những hoạt động mê tín dị đoan, sống cuộc sống vật chất, thực dụng, thiếu lý tưởng do luồng tư tưởng của chủ nghĩa thực dân mang lại. Cuộc vận động chấn hưng trong Phật giáo đã cảnh tỉnh

nhiều nhà trí thức, làm dấy lên làn sóng đề cao tinh thần, văn hóa dân tộc ở khắp các tỉnh thời bấy giờ, góp phần đẩy mạnh phong trào cách mạng lên cao. Sự đóng góp của Phật giáo đã được lịch sử dân tộc Việt Nam ghi nhận...

3 Làm nên thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945-1954 có đóng góp quan trọng từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với công tác tôn giáo. Sự thành công của Đảng từ ban hành chủ trương, thề chế hóa và trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách tôn giáo, đoàn kết lương giáo, nhằm thực hiện đại đoàn kết dân tộc đi

vào thực tiễn. Trải qua cuộc kháng chiến khó khăn, gian khổ, ác liệt, những kinh nghiệm thành công của Đảng vẫn nguyên giá trị cho hiện nay.

Thứ nhất, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Đảng luôn coi trọng vấn đề tôn giáo-dân tộc. Tôn giáo đã luôn được Đảng và Chính phủ quan tâm, nêu cao tinh thần đoàn kết, tôn vinh có giá trị của tôn giáo, hướng hoạt động tôn giáo chân chính vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Đảng nhấn mạnh, công tác tôn giáo cùng với công tác dân tộc là vấn đề chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt; thực hiện tốt chính sách tôn giáo gắn với phát huy truyền thống và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là một đảm bảo quan trọng cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân tộc. Với quan điểm nhất quán, các tôn giáo chân chính ở Việt Nam và đồng bào có đạo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng, Nhà nước đã động viên, phát huy cao độ sức mạnh của đồng bào tôn giáo vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chiến thắng ngoại xâm, xây dựng xã hội mới, làm thất bại mọi âm mưu, hành động của các thế lực phản động hòng lợi dụng tôn giáo, phá hoại sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Thứ hai, quan điểm “tín ngưỡng tự do-lương giáo đoàn kết” của Đảng là xuyên suốt, nhất quán, được thể hiện thông qua các văn kiện, chủ trương của Đảng, được quy định trong trong Hiến pháp, trong các văn bản chỉ đạo của Nhà nước, trong tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và trong các hoạt động của các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo.

Thứ ba, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương tôn trọng quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. Đó là quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của quần chúng nhân dân. Vì thế, đã không ngừng động viên các tầng lớp nhân dân,

các dân tộc có tôn giáo và phát huy truyền thống yêu nước, đẩy lùi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, xóa bỏ mọi hiểm khích, đoàn kết, giúp đỡ nhau, chống giặc ngoại xâm...

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính sách về tôn giáo được Đảng đặt trong tổng thể chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm tập hợp lực lượng giải phóng đất nước, đã được hiện thực hóa thành công. Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã huy động được lực lượng đồng đạo tín đồ tôn giáo và đồng bào có đạo đoàn kết, đứng vào hàng ngũ Mặt trận dân tộc thống nhất để tham gia kháng chiến, tiếp tục góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 2, tr. 231

2, 4, 5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 8, 534, 534

3. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *Hiến pháp năm 1946*, ngày 9-11-1946

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T. 7, tr. 50

7. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *Sắc lệnh số 234/SL*, ngày 14-6-1955

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 12, tr. 440

9. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 8, tr. 559

10. Nguyễn Đại Đồng: “Tinh chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 09 (135)*, 2014, tr. 77-91.